

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/12/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Khiêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tăng Hoàng Đa**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Yến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Mỹ N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Thới Th, xã Th Thạnh, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Hoài Á**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Thới Th, xã Th Thạnh, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà N, ông Á có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ N trình bày:**

Bà và ông Bùi Hoài Á tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Thạnh, huyện C vào ngày 10 tháng 10 năm 2011 theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Á thường xuyên ăn nhậu không chăm lo cho gia đình, dù bà nhiều lần khuyên nhủ ông Á bỏ rượu để lo cho gia đình. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng ly thân khoảng nửa năm nay. Nhận thấy, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Hoài Á.

Về con chung: Bà và ông Bùi Hoài Ân có một con chung tên Bùi Huỳnh Gia B (nam), sinh ngày 27/8/2012. Cháu Gia B sống chung với bà từ nhỏ đến nay, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Ân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Bùi Hoài Ân trình bày:*

Ông và bà Huỳnh Thị Mỹ N kết hôn năm 2010 và đăng ký kết hôn vào năm 2011 như bà N trình bày là đúng, hiện ông cho rằng vợ chồng chưa có mâu thuẫn trầm trọng như lời bà N trình bày, ông thừa nhận thường xuyên uống rượu nên không bỏ được. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông có ý kiến sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn với bà N vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông và bà N có một con chung tên Bùi Huỳnh Gia B (nam), sinh ngày 27/8/2012, cháu B hiện sống với bà N từ nhỏ cho đến nay, nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B đến trưởng thành, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn cho rằng ông vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn, Ông đề nghị nếu ly hôn, ông yêu cầu bà N giao con chung cho ông nuôi, ông không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[2] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Huỳnh Thị Mỹ N yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Hoài Ân. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Mỹ N và ông Bùi Hoài Ân tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp nhau, vợ chồng có sự bất đồng quan điểm sống, ông Ân không quan tâm chăm sóc vợ con, mặc dù hai bên cũng có tạo điều kiện hàn gắn tình cảm, tòa án cũng hòa

giải đoàn tụ nhưng không có kết quả và hiện tại bà N, ông A đã sống ly thân khoảng nửa năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà N và ông A đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Xét lời trình bày của ông A*: cho rằng ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình tòa án thụ lý, hòa giải đã tạo điều kiện cho ông hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của ông được.

[5] *Về con chung*: Bà N và ông A có một con tên Bùi Huỳnh Gia B (nam), sinh ngày 27/8/2012. Cả ông A và bà N đều có yêu cầu nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Bảo đang sống cùng bà N và theo bản tự khai do cháu B viết, thể hiện cháu B có nguyện vọng sống cùng bà N. Do đó giao cháu B cho bà Huỳnh Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N và ông A khai thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn với ông Bùi Hoài A.

Về con chung: Giao cháu Bùi Huỳnh Gia B (nam), sinh ngày 27/8/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông A không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông A khai thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015864 ngày 30/9/2020 thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thới Lai;
- Thi hành án huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thanh Khiêm